

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành
và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 79/TTr-STTTT ngày 28 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *u*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, HCQT, TH.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Chew
Hồ Văn Mười

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 10/11/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh Đắk Nông.
2. Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước bao gồm: các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là cơ quan, đơn vị); Các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến việc quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh: là nơi tích hợp các cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị làm cơ sở phục vụ cho công tác dự báo chiến lược phát triển của tỉnh; cũng như triển khai các ứng dụng tích hợp phục vụ công tác điều hành tổng thể của các cơ quan, đơn vị; là nền tảng dữ liệu để xây dựng chính quyền điện tử phục vụ quá trình chuyển đổi số, hướng đến mục tiêu xây dựng chính quyền số.
2. Dữ liệu ngành: là dữ liệu của một ngành, lĩnh vực do cơ quan nhà nước quản lý.
3. Dữ liệu dùng chung: là dữ liệu gốc hình thành trong hoạt động của cơ quan, đơn vị được chia sẻ và sử dụng nhiều lần bởi nhiều tổ chức, cá nhân.
4. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước: quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 4. Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ

Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Các cơ quan, đơn vị phải có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung phải phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.
3. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, đơn vị là tài sản của tỉnh, cần được bảo tồn, chia sẻ và khai thác nhằm phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.
4. Dữ liệu dùng chung của tỉnh cần được đồng bộ, thống nhất và có tài liệu mô tả chi tiết và cần được quản lý tập trung.
5. Dữ liệu dùng chung của tỉnh cần được chuẩn hóa theo đúng các yêu cầu của các bộ, ngành Trung ương (nếu có) để có thể sẵn sàng tích hợp vào các cơ sở dữ liệu cấp Quốc gia khi có yêu cầu.
6. Dữ liệu dùng chung phải đảm bảo tính cập nhật và chính xác.
7. Việc quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Các hành vi quy định từ Khoản 1 đến Khoản 5 Điều 8 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.
2. Lưu trữ dữ liệu trái phép hoặc sử dụng dữ liệu vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh vào mục đích cá nhân hay thương mại mà không được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép, ngoại trừ các dữ liệu mở đã được công khai trên hệ thống.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU DÙNG CHUNG

Điều 7. Nguyên tắc quản lý, phương thức, dịch vụ và lưu trữ nhật ký chia sẻ dữ liệu

1. Nguyên tắc quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.
2. Phương thức chia sẻ dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.
3. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

4. Lưu trữ nhật ký chia sẻ dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 8. Tổ chức, quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu

1. Nội dung tổ chức, quản lý dữ liệu quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm quản lý dữ liệu của tỉnh, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy định về cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, chịu trách nhiệm toàn diện về mức độ an toàn, bảo mật cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc thu thập, quản lý, tích hợp, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu của ngành, địa phương mình.

4. Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh thống nhất lưu trữ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý). Dữ liệu sau khi cập nhật phải được sao lưu theo quy chế vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

Điều 9. Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh

1. Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia;

b) Cơ sở dữ liệu của Sở, ban, ngành, địa phương bao gồm: cơ sở dữ liệu dùng chung của Sở, ban, ngành; cơ sở dữ liệu dùng chung của địa phương;

c) Cơ sở dữ liệu khác trong nội bộ một hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước không thuộc Điểm a, Điểm b khoản này.

2. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải rà soát 06 tháng/lần, cập nhật và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, Trang/Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch rà soát danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và ban hành, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; các ngành có trách nhiệm công bố danh mục cơ sở dữ liệu của ngành mình và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung, nguồn dữ liệu công bố.

4. Danh mục cơ sở dữ liệu của Sở, ngành, địa phương phải thể hiện được các nội dung theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

5. Dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp là dữ liệu cơ bản làm nền tảng phát triển chính phủ điện tử.

Điều 10. Khai thác dữ liệu dùng chung

1. Các cơ quan, đơn vị của tỉnh đều có thể khai thác sử dụng thông tin cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh vào mục đích phục vụ tác nghiệp và điều hành trong phạm vi chức năng của cơ quan mình. Đặc biệt là để cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu suất nghiệp vụ chuyên ngành, phục vụ lãnh đạo cơ quan ra chính sách và quyết định qua thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo.

2. Các cơ quan, đơn vị được cấp tài khoản và phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác dữ liệu dùng chung ngoài phạm vi quản lý cần phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Mọi hành vi đánh cắp dữ liệu, lạm dụng, sử dụng dữ liệu không phải vì mục đích phục vụ tác nghiệp và điều hành của cơ quan nhà nước hoặc sử dụng dữ liệu vì mục đích cá nhân hay thương mại mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ bị xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Công bố dữ liệu mở cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp

1. Một phần dữ liệu dùng chung của tỉnh sẽ được chia sẻ cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thông qua các dịch vụ dữ liệu mở để khai thác, tạo giá trị gia tăng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh.

2. Dữ liệu mở của các cơ quan, đơn vị phải đảm bảo quy định tại Mục 3 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 12. Bảo đảm an toàn trong quá trình khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung

1. Các cơ quan, đơn vị và các cá nhân, tổ chức có liên quan được phép khai thác, sử dụng tài nguyên dùng chung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh phải tuân thủ theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đắk Nông, các quy định khác có liên quan về quản lý, khai thác, sử dụng đúng mục đích và phạm vi được cấp.

2. Các cơ quan, đơn vị và các cá nhân, tổ chức có liên quan được phép khai thác, sử dụng tài nguyên dùng chung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu không tự ý gỡ bỏ kết nối, thay đổi thông số thiết lập mạng, thiết bị và các ứng dụng dùng chung dẫn đến gây xung đột tài nguyên mạng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và phá vỡ các quy hoạch tài nguyên đã được ban hành.

3. Các cơ quan, đơn vị và các cá nhân, tổ chức có liên quan phải đảm bảo giữ bí mật các thông số kỹ thuật, tài khoản, mật khẩu được cấp liên quan đến tài nguyên dùng chung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu, định kỳ thay đổi mật khẩu theo quy định và chỉ được khai thác, sử dụng các tài nguyên theo giới hạn quyền được cấp.

4. Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo các phương án an toàn, an ninh thông tin cấp độ 3 được phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

Điều 13. Kinh phí bảo đảm việc quản lý, vận hành và khai thác

1. Kinh phí thực hiện việc quản lý, vận hành và khai thác của các cơ quan, đơn vị được giao trong kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý, vận hành và khai thác được chi theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm các cơ quan, đơn vị được sử dụng các nguồn hợp pháp khác để thực hiện việc quản lý, vận hành và khai thác.

Điều 14. Giải quyết vướng mắc kết nối, chia sẻ dữ liệu

Thực hiện theo quy định tại Mục 5 (từ Điều 47 đến Điều 50) Chương III Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có quyền sau:

- a) Khai thác, sử dụng dữ liệu theo mục đích phù hợp;
- b) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc làm ảnh hưởng đến quyền khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ của mình.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm sau:

- a) Tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của cấp có thẩm quyền về kết nối, chia sẻ dữ liệu;
- b) Khai thác và sử dụng dữ liệu đúng phạm vi cho phép theo quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu, nội dung thống nhất chia sẻ dữ liệu và các văn bản có liên quan;
- c) Thông báo kịp thời cho cơ quan cung cấp dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã chia sẻ;
- d) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, cơ quan cung cấp dữ liệu để giải quyết các vướng mắc trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối điều phối công tác vận hành, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của các đơn vị sử dụng và theo quy định của pháp luật, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch tích hợp, triển khai cơ sở dữ liệu dùng chung hằng năm; công bố, cập nhật, sửa đổi, bổ sung danh mục dữ liệu phải chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan, đơn vị nhằm phục vụ cho công tác tác nghiệp, quản lý, chỉ đạo điều hành. Xây dựng phương án kết nối và sử dụng dữ liệu; tổ chức hệ thống thông tin tương thích để sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu của Sở, ngành, địa phương và các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.

2. Hướng dẫn cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật, tích hợp, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

3. Cấp phát, quản lý tài khoản sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu dùng chung.

4. Tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu cho các dịch vụ chia sẻ dữ liệu của tỉnh, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung theo cơ sở dữ liệu dùng chung được quy định tại Điều 9 Quy chế này.

5. Chủ trì, tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát việc tích hợp, cập nhật dữ liệu về cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ 06 tháng, hằng năm và đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết để đảm bảo hiệu quả của việc triển khai, vận hành cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

6. Đảm bảo hạ tầng và an toàn thông tin vận hành cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí đầu tư phát triển cho việc xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu theo các quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin phục vụ kết nối chia sẻ dữ liệu.

2. Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện nhiệm vụ quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Công khai dữ liệu chuyên ngành phục vụ người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư.
2. Xây dựng, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành.
3. Khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu dùng chung và dữ liệu được chia sẻ từ các Sở, ban, ngành khác.

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị chủ quản, cung cấp dữ liệu

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến quản lý và chia sẻ dữ liệu dùng chung.
2. Tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu cho các dịch vụ chia sẻ dữ liệu của tỉnh, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu vào cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh theo cơ sở dữ liệu dùng chung được quy định tại Điều 9 Quy chế này.
3. Bảo đảm việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu về cơ sở dữ liệu dùng chung kịp thời, nhất quán, chính xác, đầy đủ và liên tục, theo đó các dữ liệu phát sinh mới phải được cập nhật về cơ sở dữ liệu dùng chung theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và tần suất cập nhật theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.
4. Khi triển khai các kế hoạch tạo lập cơ sở dữ liệu phải thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn được quy định, theo hướng dẫn kỹ thuật của Sở Thông tin và Truyền thông.
5. Thường xuyên cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình và tiến độ triển khai cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng thời, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết để thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về cơ sở dữ liệu dùng chung nhằm phục vụ cho công tác chia sẻ, khai thác.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị sử dụng dữ liệu

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.
2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân chỉ sử dụng dữ liệu được chia sẻ phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và trong quá trình thực thi công vụ.
3. Hàng quý rà soát, xây dựng, ban hành danh mục dữ liệu của cơ quan, đơn vị mình quản lý và tiếp nhận, xử lý các yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan đơn vị khác trong tỉnh; rà soát nhu cầu sử dụng dữ liệu dùng chung của cơ quan và gửi yêu cầu đối với các đầu mối của các cơ quan khác kết nối, thu thập dữ liệu về sử dụng phục vụ hiệu quả công việc của cơ quan theo đúng quy định của pháp luật.
4. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin của dữ liệu trích xuất từ cơ sở dữ liệu dùng chung, tuyệt đối không chia sẻ thông tin với đơn vị bên ngoài nếu không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

5. Thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu số, dữ liệu không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ và thực hiện Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản trong Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị.

2. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này.

3. Định kỳ 06 tháng, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) về tình hình triển khai xây dựng, chia sẻ, khai thác dữ liệu; đồng thời đề xuất các yêu cầu phát triển, mở rộng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung nhằm phục vụ cho công tác tác nghiệp, quản lý của đơn vị.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.